

PHÁT HUY TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

● TRINH VIỆT TIẾN

TÓM TẮT:

Trong tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu, trách nhiệm xã hội (TNXH) đã trở thành một trong những yêu cầu đối với các DN Việt Nam, nếu DN nào đó không tuân thủ TNXH sẽ không thể tiếp cận được với thị trường thế giới... Bài viết dưới đây sẽ phân tích về TNXH của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế bền vững.

Từ khóa: Trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp, phát triển kinh tế.

1. Lý luận về trách nhiệm xã hội của DN trong phát triển kinh tế

Theo Ngân hàng Thế giới: TNXH của DN được hiểu là sự cam kết của DN đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua những việc làm nhằm nâng cao chất lượng đời sống người lao động, của cộng đồng và toàn xã hội theo cách có lợi cho cả DN cũng như phát triển chung của toàn xã hội.

Trách nhiệm của DN vừa bảo đảm những quyền lợi chính đáng cho người lao động theo quy định của pháp luật đồng thời là môi trường đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động.

Tiếp theo là trách nhiệm của DN đối với quốc gia, thể hiện ở nghĩa vụ đóng thuế, chấp hành pháp luật. DN đồng hành với Nhà nước trong việc nỗ lực giải quyết những tệ nạn xã hội, xây dựng văn hóa, phát triển kinh tế... Đặc biệt, DN luôn tích cực, ủng hộ và đi đầu trong công tác phòng chống tham nhũng, tham gia thực hiện các

sứ mệnh quốc tế như hội nhập, xoá đói giảm nghèo, ủng hộ đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, tiến bộ.

Hiện nay, nhận thức về TNXH của DN phần nào được nâng cao. Rất nhiều hội thảo, diễn đàn đã được tổ chức bàn về TNXH của DN đã có tác động đặc biệt đến ý thức TNXH của DN Việt Nam, từ đó, góp phần vào tăng trưởng của DN bằng các hoạt động đầu tư cho giáo dục, văn hoá địa phương, DN có thể thu được nguồn nhân công tại chỗ với chất lượng cao, gắn bó lâu dài.

2. Một số TNXH của DN cần thể hiện

Theo Matten và Moon (2004) cho rằng, "TNXH là một khái niệm chòm, bao gồm nhiều khái niệm khác nhau, như đạo đức kinh doanh, DN là từ thiện, công dân DN, tính bền vững và trách nhiệm môi trường.

Archie Carroll (1999) cho rằng, TNXH của DN có phạm vi rộng lớn hơn: "TNXH bao gồm sự mong đợi của xã hội về kinh tế, luật pháp,

đạo đức và lòng từ thiện đối với các tổ chức tại một thời điểm nhất định”.

Hội đồng DN thế giới vì sự phát triển bền vững cho rằng, “TNXH là sự cam kết trong việc ứng xử hợp đạo lý và đóng góp vào sự phát triển kinh tế, đồng thời cải thiện chất lượng cuộc sống của lực lượng lao động và gia đình họ, cũng như của cộng đồng địa phương và của toàn xã hội nói chung”.

Theo Nhóm Phát triển kinh tế tư nhân của Ngân hàng Thế giới (WB), “TNXH là sự cam kết của DN đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua những việc làm nâng cao chất lượng đời sống của người lao động và các thành viên trong gia đình họ; cho cộng đồng và toàn xã hội, theo cách có lợi cho cả DN cũng như phát triển chung của xã hội”.

Có thể thấy rằng hình thức diễn đạt ngôn từ có khác nhau, song nội hàm phản ánh của TNXH về cơ bản thể hiện những lý luận chung là bên cạnh những lợi ích phát triển riêng của từng DN phù hợp với pháp luật hiện hành thì đều phải gắn kết với lợi ích phát triển chung của cộng đồng xã hội.

Các DN muốn phát triển bền vững và có được lòng tin phải luôn tuân thủ những chuẩn mực về bảo đảm sản xuất - kinh doanh phải có lợi cho DN mình mà phải tuân thủ những chuẩn mực về bảo vệ thiên nhiên, môi trường lao động, thực hiện bình đẳng giới, an toàn, quyền lợi lao động góp phần phát triển cộng đồng, bao hàm cả các hoạt động thực hiện an sinh xã hội trong cuộc sống.

Nhìn chung phạm trù TNXH của DN thể hiện ở các nhóm trách nhiệm chính như: Trách nhiệm với thị trường và người tiêu dùng; Trách nhiệm về bảo vệ môi trường; Trách nhiệm với người lao động. Trách nhiệm chung với cộng đồng.

Khi mỗi DN tự quyết định một cách tự nguyện về thực hiện TNXH của mình, thì bên cạnh những đóng góp, chi phí vì lợi ích cộng đồng xã hội, đương nhiên, họ còn có những lợi ích riêng trong kinh doanh, thông qua các hoạt động của mình, đó là:

- Bảo vệ thương hiệu không bị xã hội chỉ

trích; nâng cao uy tín của sản phẩm một cách bền vững; mở rộng thị trường và tạo lập ưu thế về giá cả, được tham gia các chương trình đầu tư phát triển DN vì TNXH.

- Duy trì hoặc ký thêm hợp đồng kinh tế với các đối tác đầu tư, ban hàng; có thêm điều kiện để mở rộng quy mô sản xuất, hiện đại hoá công nghệ, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm; tăng việc làm, giảm số công nhân bỏ việc; tăng uy tín xã hội để DN có khả năng cạnh tranh cao, dễ dàng hoạt động hơn.

- Có thêm điều kiện vật chất để cải thiện đời sống người lao động. Cụ thể là tăng thu nhập, nâng cao hơn chất lượng cuộc sống và sức khỏe cho người lao động và gia đình họ; hỗ trợ người lao động thực hiện tốt hơn luật pháp lao động và mở rộng hơn khả năng bảo hiểm y tế, xã hội cho họ...

Cần thấy rằng, nhận thức về TNXH ở các nền kinh tế thị trường phát triển hoặc khá phát triển trên thế giới hiện nay rõ ràng là không còn mới lạ, mặc dù trong thực tế, cho đến nay, không phải bất cứ DN, doanh nhân nào, dù ở những nền kinh tế phát triển nhất, như Mỹ, Nhật Bản, Đức,... cũng đều có thể thực hiện tốt TNXH mọi lúc, mọi nơi do những tác động cạnh tranh quyết liệt của quy luật giá trị, giá trị thặng dư và siêu lợi nhuận chi phối.

3. Tình hình thực hiện TNXH của DN ở Việt Nam

Khái niệm “TNXH của DN” được đưa vào nước ta thông qua hoạt động của các DN có yếu tố đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Các TNXH được thông qua nhiều mặt của đời sống như về môi trường, y tế công đồng, y tế học đường, an sinh xã hội, ủng hộ các nạn nhân chất độc da cam, tham gia các chương trình thiện nguyện. Ở nước ta đã có một số DN chủ động thực hiện TNXH, từ đó uy tín của DN được xã hội biết đến.

Từ năm 2005, Việt Nam đã có giải thưởng “TNXH hướng tới sự phát triển bền vững” được tổ chức bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương cùng Hiệp hội Da

giày, Hiệp hội Dệt may tổ chức nhằm tôn vinh các DN thực hiện tốt công tác TNXH trong bối cảnh hội nhập. Cho đến năm 2006, đã có 50 DN ngành Dệt may và Da giày tham dự hoạt động này vì đã nhận thấy tính thiết thực của nó.

Khảo sát do Viện Khoa học Lao động và Xã hội tiến hành gần đây trên 24 DN thuộc hai ngành Dệt may và Da giày đã chỉ ra rằng: Nhờ thực hiện các chương trình TNXH, doanh thu của các DN này đã tăng 25%, năng suất lao động cũng tăng từ 34,2 lên 35,8 triệu đồng/lao động/năm, tỷ lệ hàng xuất khẩu tăng từ 94% lên 97%. Ngoài hiệu quả kinh tế, các DN còn có lợi từ việc tạo dựng hình ảnh với khách hàng, sự gắn bó và hài lòng của người lao động, thu hút lao động có chuyên môn cao.

Thực tiễn cho thấy, thực hiện TNXH của các doanh nhân Việt Nam thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay và nhiều năm tới ngày càng được các doanh nhân nước ta nhận thức sâu sắc và đó cũng chính là những đóng góp của các DN, doanh nhân vào việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua những hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người lao động và gia đình họ, có lợi cho cả DN cũng như sự phát triển chung của cộng đồng xã hội.

Trong tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu, TNXH đã trở thành một trong những yêu cầu đối với các DN Việt Nam, nếu DN nào đó không tuân thủ TNXH sẽ không thể tiếp cận được với thị trường thế giới.

Như đã nêu trên, thực hiện tốt TNXH sẽ giúp nâng cao uy tín của DN, doanh nhân, từ đó sẽ mang lại nhiều lợi nhuận kinh tế và lợi ích chính trị - xã hội cho họ. Tuy nhiên, không nên đồng nhất việc cứ làm từ thiện gói đã là thực hiện tốt TNXH, cho dù làm từ thiện là một hoạt động thể hiện TNXH của DN.

Thực tế là đã có DN tích cực làm từ thiện, nhưng vẫn vì chạy theo lợi nhuận mà vi phạm pháp luật, vi phạm sự phát triển bền vững của cộng đồng xã hội. "Sự kiện Vê Đan" cùng một số DN khác ở Đồng Nai đã "đầu độc" sông Thị Vải làm hủy hoại môi trường mới đây là một minh chứng điển hình cho trường hợp này.

Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, khái niệm TNXH còn tương đối mới ở Việt Nam, vì vậy, cho đến nay, việc thực hiện nó vẫn còn hạn chế. Theo nghiên cứu mới đây của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, rào cản và thách thức cho việc thực hiện TNXH bao gồm: (1) Nhận thức về khái niệm TNXH còn hạn chế; (2) Năng suất bị ảnh hưởng khi phải thực hiện đồng thời nhiều bộ quy tắc ứng xử COC (Code of Conduct); (3) Thiếu nguồn tài chính và kỹ thuật để thực hiện các chuẩn mực TNXH (đặc biệt là đối với các DN nhỏ và vừa); (4) Sự nhầm lẫn do khác biệt giữa qui định của TNXH và Bộ luật Lao động; (5) Những quy định trong nước ảnh hưởng tới việc thực hiện các COC.

Diễn giải cụ thể hơn về một số rào cản, thách thức đó như sau:

Thứ nhất, đó là sự hiểu biết của DN về TNXH chưa đầy đủ. Nhiều DN chỉ hiểu đơn thuần là làm từ thiện, mà chưa hiểu rằng việc thực hiện TNXH là phải thể hiện trực tiếp trong toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các DN. Vì thế, trên thực tế đã có không ít DN, một mặt, vẫn tham gia tích cực các hoạt động nhân đạo, từ thiện, nhưng mặt khác, vẫn lao vào vòng quay lợi nhuận kinh doanh không lành mạnh theo kiểu buôn bán lòng vòng, chup giát, tranh thủ các khe hở của cơ chế, chính sách thị trường do Nhà nước ban hành để kiếm lời. Tình trạng lợi dụng thương hiệu của nhau để làm hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng vẫn phổ biến ở nước ta.

Thứ hai, một rào cản tác động bất lợi đến việc thực hiện TNXH là do nhiều DN hiện nay bị thiếu hụt nguồn tài chính và kỹ thuật để thực hiện các chuẩn mực TNXH, đặc biệt là các DN nhỏ và vừa, mà phần lớn DN Việt Nam hiện đều là DN nhỏ và vừa.

Thứ ba, tính pháp lý của việc đánh giá thực hiện TNXH ở nước ta hiện nay còn nhiều hạn chế, bất cập. Trên thực tế, mặc dù đã được quy định theo các quy tắc của các bộ quy tắc ứng xử COC và các tiêu chuẩn chế định khác, như SA8000, WRAP, ISO 14000, GRI..., song các tiêu chuẩn này lại không phải là thỏa thuận giữa các chính phủ hay quy định của các công ước quốc tế, mà thường vẫn chỉ là ràng buộc giữa

các nhà xuất nhập khẩu hoặc do chính các DN tự đặt ra, vì thế còn thiếu tính pháp định quốc gia và càng thiếu tính pháp định thống lệ quốc tế. Từ đó, nếu xảy ra các vi phạm, dù sơ ý hay chủ ý đáng tiếc nào đó, dẫn đến khiếu kiện nhau thì rất khó phân xử.

Cho đến nay, chúng ta đã có các DN: sản xuất rau sạch, nuôi trồng thủy sản sạch, sản xuất than sạch... nhưng những việc làm này hầu như còn mang nhiều tính bất buộc hoặc là tự phát hơn là một việc làm tự nguyện, gắn liền với hoạt động kinh doanh và hình ảnh của DN.

Đáng lưu ý, do thói quen tiêu dùng và nhất là do "túi tiền" còn hạn hẹp của đa số người tiêu dùng Việt Nam, nên thường sản phẩm sạch của các DN này chủ yếu chỉ phục vụ cho các đối tượng khách hàng từ tầng lớp trung lưu, khá giả trở lên, nên lợi nhuận và vòng quay lợi nhuận thu được cho các DN này cũng chưa phải là hấp dẫn khiến cho không phải bất cứ DN nào cũng có thể chuyển tâm vào sản xuất, kinh doanh các sản phẩm này.

Đó là còn chưa kể cá biệt đã có DN sản xuất hoặc siêu thị kinh doanh đã lợi dụng uy tín thương hiệu để đưa cả hàng "bẩn", hàng nhái, hàng giả vào để bán lẫn cùng hàng sạch cho người tiêu dùng.

Biểu hiện rõ nhất gần đây ở nước ta về tình trạng thiếu TNXH, thiếu đạo đức, văn hoá trong sản xuất - kinh doanh của không ít các DN là đã để xảy ra hàng loạt các sự kiện liên quan đến các mặt hàng nông sản, thực phẩm không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, như nước tương đen chứa 3-MCPD (một chất có thể gây ung thư), thực phẩm bảo quản bằng focomon, hàn the, rau được tưới các chất kích thích tăng trưởng, cá nuôi trong môi trường bị ô nhiễm, nông sản, thực phẩm chế biến sử dụng các chất bảo quản độc hại, dư lượng kháng sinh hay thuốc bảo vệ thực vật vượt quá tiêu chuẩn cho phép và gần đây nhất là việc hàng loạt các sản phẩm sữa nhiễm melamine - một chất độc hại gây ra sạn thận ở trẻ em, có thể dẫn tới tử vong.

Theo kết quả kiểm tra của Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: năm 2007, tỷ lệ dư lượng thuốc trừ sâu

trong các sản phẩm rau mướp, cải, đậu... tại Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng mức thấp nhất là 15%, cao nhất 30%; đặc biệt, đối với sản phẩm nhỏ, có nơi phun tới 30 lần và tỷ lệ thuốc trừ sâu vượt ngưỡng cho phép lên tới trên 60%; có tới khoảng 32,54% tổng số mẫu nông sản phân tích phát hiện thấy dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, trong đó gần 70% đã vượt quá ngưỡng giới hạn tối đa cho phép trong thực phẩm (tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới - WHO). Đó là những con số đáng báo động và cũng chính là nguyên nhân gây ảnh hưởng không nhỏ tới sức khỏe, thậm chí là tính mạng của người tiêu dùng.

4. Một số kiến nghị về giải pháp thực hiện TNXH ở Việt Nam

Một là, nâng cao hơn nữa chất lượng các quy định pháp luật bằng cách áp dụng RIA (đánh giá tác động của văn bản luật) trong quá trình lập quy. RIA giúp xác định giải pháp lập quy có phải là giải pháp cần thiết, hợp lý. Nếu có, RIA sẽ tìm ra mức độ lập quy phù hợp nhất để đạt được mục tiêu với chi phí thấp nhất cho DN. Một khi văn bản luật có tính chính xác cao, hiệu lực của các văn bản cũng sẽ được cải thiện đáng kể. Bên cạnh đó, các cơ quan nhà nước nhất thiết phải tăng cường trách nhiệm thực thi luật trong lĩnh vực của mình.

Hai là, cách thức xây dựng các hiệp hội cần được đổi mới. Lãnh đạo các hiệp hội nên là những người đã gắn bó nhiều năm với thành viên từ cơ sở. Có như vậy, họ mới đấu tranh một cách nhiệt tình, thẳng thắn cho quyền lợi của thành viên hiệp hội.

Ba là, cần tăng cường hơn nữa việc thực hiện các chương trình truyền thông, quảng cáo phi lợi nhuận cho các mục đích nhân đạo, từ thiện. Điều này rất phổ biến ở các nước phát triển và hiện nay, đang được áp dụng cho nhiều nước ở khu vực Đông Á. Chính phủ có thể chỉ đạo dành một tỷ lệ nhất định trong thời lượng quảng cáo hàng ngày miễn phí cho các mục tiêu công cộng, kể cả mục tiêu đó do các DN khởi xướng và thực thi.

Bốn là, địa vị của người đóng thuế cần được nâng cao. Vinh dự đi đôi với trách nhiệm. Cần có những bảng xếp hạng các DN nộp thuế thu nhập DN cao nhất, các cá nhân nộp thuế thu

nhập cá nhân nhiều nhất. Họ xứng đáng nhận được sự vinh danh của xã hội, vì đó là một trong những biểu hiện bề nổi của việc thực hiện tốt TNXH vì lợi ích chung của cộng đồng xã hội.

Năm là, Nhà nước cần nhanh chóng tập trung hoàn thiện luật và tính hiệu lực của luật trong việc thực thi luật. Các trách nhiệm ngoài luật (đạo đức, từ thiện), cơ chế tự nguyện cần được khuyến khích, vinh danh, vì đó là sự đóng góp của các DN với cộng đồng xã hội. Nhà nước không nên bắt buộc các DN phải làm từ thiện, nhân đạo, mà chỉ nên gián tiếp tác động thông qua các tổ chức, như NGOs, hiệp hội, mạng lưới cộng đồng, giáo dục... để nâng cao ý thức thực hiện TNXH.

a. Giải pháp về phía các cơ quan quản lý nhà nước:

- Tăng cường tuyên truyền đối với các DN về nghĩa vụ và lợi ích của việc thực hiện TNXH. Việc tuyên truyền có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức, như qua các phương tiện thông tin đại chúng, các đợt tập huấn bắt buộc cho lãnh đạo các DN, các hội nghị, hội thảo khoa học...

- Phân định rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và các chủ thể liên quan trong việc hoạch định chính sách, thông tin, tuyên truyền, kiểm tra, xử lý sai phạm của các DN đối với các vấn đề liên quan đến TNXH nói chung, trách nhiệm đối với thị trường, người tiêu dùng và việc bảo vệ môi trường nói riêng.

- Ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các DN thực hiện TNXH. Đặc biệt, cần quan tâm hỗ trợ các DN kinh doanh hàng nông sản thực, phẩm trong việc thực hiện các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường, sản xuất theo công nghệ sạch.

- Cần có các biện pháp đủ mạnh để xử lý vi phạm của các DN trong việc thực hiện TNXH, nhất là đối với các DN sản xuất các mặt hàng nông sản, thực phẩm không bảo đảm chất lượng, gây ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của người tiêu dùng và gây ô nhiễm môi trường.

Đồng thời, cần tăng cường các hình thức khuyến khích, động viên, khen thưởng đối với các DN tự giác và thực hiện tốt TNXH, như giải thưởng TNXH, thương hiệu "xanh", cấp chứng chỉ cho các DN bảo đảm các yêu cầu liên quan đến các tiêu chuẩn TNXH trong các bộ quy tắc ứng xử được áp dụng...

b. Giải pháp về phía các DN:

- Cần thay đổi nhận thức về việc thực hiện TNXH, đặc biệt là đối với đội ngũ các nhà quản trị cấp cao trong DN. Thực hiện TNXH sẽ giúp các DN có được nhiều lợi thế trong cạnh tranh trên thị trường.

- Các DN cần có chiến lược dài hạn trong việc xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn TNXH. Việc thực hiện TNXH theo ý nghĩa đầy đủ và đích thực không phải là một vấn đề đơn giản và nằm trong khả năng giải quyết tức thì của phần lớn các DN Việt Nam, bởi sự hạn chế của nhận thức, của các yếu tố nguồn lực, trong đó có nguồn lực tài chính, kỹ thuật, nhân lực trình độ cao.

Vì vậy, các DN cần xây dựng một lộ trình phù hợp trong việc từng bước thực hiện những nội dung TNXH không chỉ phù hợp với các chuẩn mực chung, mà còn được các chủ thể có liên quan chấp nhận, góp phần tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu và rộng hơn vào kinh tế khu vực và toàn cầu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hoàng Chí Bảo (2010). *Luận cứ và giải pháp phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2011). *Báo cáo nghiên cứu pháp luật lao động và các chính sách TNXH của DN*.

3. *Bỏ Lao động, Thương binh và Xã hội (2014), Hồ sơ trình Quốc hội dự án Luật An toàn, Vệ sinh lao động.*
4. *Đinh Thị Cúc (2015), "Trách nhiệm của DN trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay". Luận án tiến sĩ triết học, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội.*

Ngày nhận bài: 20/4/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 1/5/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 11/5/2019

Thông tin tác giả:

TS. TRINH VIỆT TIẾN

Khoa Quản trị nguồn nhân lực

Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

PROMOTING THE SOCIAL RESPONSIBILITY OF ENTERPRISES TO ACHIEVE SUSTAINABLE ECONOMIC DEVELOPMENT

● Ph.D TRINH VIET TIEN

Faculty of Human Resources Management

Hanoi University of Home Affairs

ABSTRACT:

In the process of global economic integration, the social responsibility has become a requirement for Vietnamese enterprises. If an enterprise does not practice its social responsibility, this enterprise will find it difficult to access the global market. This article analyzes the social responsibility of enterprises to achieve the sustainable economic development.

KEYWORDS: Social responsibility, enterprise, economic development.